

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2024/HC-ST

Ngày 13 - 9 - 2024

“V/v: *Khiếu kiện hành vi hành
chính* ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ hành chính thụ lý số 01/2024/TLST-HC ngày 08/5/2024 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị trấn M trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HC ngày 29/8/2024, giữa:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Hoàng Văn H: Ông Mạnh Xuân S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 19, Ngõ 492, đường H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn M. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Lê Đức C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 01, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã N1, thành phố H (trước đây là huyện T), tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Hoàng Văn H và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Hoàng Văn H là ông Mạnh Xuân S thống nhất trình bày:**

Ngày 14/3/2006 Ông H và vợ là Nguyễn Thị Th được UBND huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00420, diện tích sử dụng 3.018 m² (bao gồm cả diện tích đã chuyển nhượng cho bà Nguyệt) tại thửa số 218, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại tổ 11 (nay là tổ 6), thị trấn M, huyện M. Năm 2010, Nhà nước thu hồi 615 m² để làm đường vành đai. Ngày 03/02/2010 Ông H chuyển nhượng cho Ông L, Bà L diện tích đất còn lại khoảng hơn 100 m², chưa làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, việc chuyển nhượng viết giấy tay. Sau khi nhận chuyển nhượng, Ông L và Bà L đã đổ đất cải tạo san cho bằng lối đi vào nhà và rào lại thửa đất tại ranh giới giáp đất bà Nguyệt và bà T bằng dây thép gai cọc bê tông trên ranh giới cũ (hiện nay hàng rào giáp đất bà Nguyệt vẫn còn trên đất). Ngày 16/11/2010, UBND huyện M cấp đổi cho vợ chồng Ông H GCNQSDĐ số BA 328742 tại thửa là 218C diện tích 425 m² (đã chuyển nhượng cho Ông L và bà N chưa làm thủ tục tách thửa) và thửa 218 diện tích 1.643m² (Ông H và vợ đang sử dụng) tờ bản đồ số 29.

Năm 2018, Ông L trồng cây keo trên diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng Ông H. Ngày 24/11/2019 Ông L và Bà L đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho bà Trần Thị D, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L. Phần diện tích đất Ông L Bà L đã được cấp GCN hợp pháp đã hoàn tất thủ tục sang tên cho bà Trần Thị D, phần diện tích đất mà ông L nhận chuyển nhượng của vợ chồng Ông H chưa hoàn tất thủ tục sang tên vì chưa làm thủ tục tách thửa giữa ông vợ chồng ông H và ông L. Khi bà D ông B, bà L nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông H, ông L, bà L, bà D, ông B và bà L đều thống nhất không tranh chấp có lập biên bản, Vợ chồng ông H

đồng ý làm thủ tục tách thửa để chuyển nhượng cho Bà D và được sự nhất trí của ông L và Bà L.

Cuối năm 2019 bà T hộ giáp ranh nộp hồ sơ vào Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện M đo đạc thửa đất tại Tổ dân phố 6, TT M' Đrăk. Cán bộ đi đo đạc là ông Hồ Văn Cường, bà T dẫn vào phần diện tích của Ông L và Bà L nhận chuyển nhượng của ông vợ chồng Ông H tại thửa 218c. Ông Hồ Văn Cường cán bộ đo đạc đưa cho Ông H bản mô tả để ký giáp ranh, nhưng Ông H không ký. Ông H không biết nguyên nhân nào bà T có trích lục thửa 142, tờ bản đồ 36 ký ngày 18/3/2020. Sau khi có tờ trích lục bản đồ chưa hợp pháp, chồng lần lên diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất cho Ông H ngày 12/3/2020 bà T đã chuyển nhượng diện tích đất này cho ông Lê Đức C. Đến ngày 15/6/2021 bà T thuê người phá hàng rào dây thép gai trụ bê tông đồng thời phá cây keo mà Ông L đã trồng năm 2018 trên diện tích đất Ông L và Bà L đã nhận chuyển của Ông H năm 2010. Diện tích đất này ngày 24/11/2019 Ông L và Bà L đã chuyển nhượng cho: ông B, bà L, Bà D tại thửa 218C theo GCNQSDĐ số BA 328742 do UBND huyện M cấp ngày 16/11/2010 cho vợ chồng Ông H nên phát sinh tranh chấp đất đai giữa Ông H và Bà T, Ông C.

Sau bị bà T lấn chiếm quyền sử dụng đất làm phát sinh tranh chấp đất đai Ông H đã nhiều lần gửi đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai đến UBND thị trấn M nhưng chưa được Chủ tịch UBND thị trấn M giải quyết theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ông H và những người có quyền liên nghĩa vụ liên quan.

Vào khoảng 9 giờ 44 phút ngày 25/05/2023, chủ tịch UBND thị trấn đã đích thân đến thửa đất 218c, tổ dân phố 6, thị trấn M, diện tích đất này đã được cấp GCNQSD đất cho Ông H. chủ tịch UBND thị trấn gọi điện chỉ đạo ông Lê Ngọc T phó chủ tịch thị trấn, Bà Trương Thị Hằng N cán bộ công chức tư pháp, bà Nguyễn Thị H công chức địa chính, công an thị trấn M cấm trụ bê tông, xít sơn, dựng hàng rào trên đất của Ông H để giao cho bà Thân hơn 100 m² mà không có bất kỳ văn bản hay Quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền về việc này. Đây là hành vi lạm quyền vi phạm pháp luật nghiêm trọng của chủ tịch UBND thị trấn đã gây thiệt hại nghiêm trọng về quyền lợi hợp pháp của Ông H được pháp luật bảo vệ.

Ông Hoàng Văn H đề nghị Tòa án buộc chủ tịch UBND thị trấn M, huyện M những vấn đề cụ thể như sau:

1. Tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật để Ông H có đủ điều kiện khởi kiện tại Tòa án theo thẩm quyền.

2. Yêu cầu Chủ tịch UBND thị trấn M không được lợi dụng chức vụ để giao đất, xét duyệt cấp GCN QSD đất cho bà T đối với diện tích khoảng 100 m² tại thửa

đất số 218c, tờ bản đồ số 29 theo GCN QSD đất số BA 328742 do UBND huyện M cấp ngày 16/11/2010 cho hộ ông Hoàng Văn H.

3. Buộc Chủ tịch UBND thị trấn M phải gỡ bỏ hàng rào, trụ bê tông xít sơn đã cắm trên diện tích đất của Ông H vào ngày 25/3/2023, khôi phục lại hiện trạng như ban đầu để trả lại phần diện tích đất cho Ông H.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Yêu cầu Chủ tịch UBND thị trấn M không được lợi dụng chức vụ để giao đất, xét duyệt cấp GCN QSD đất cho bà T đối với diện tích khoảng 100 m² tại thửa đất số 218c, tờ bản đồ số 29 theo GCN QSD đất số BA 328742 do UBND huyện M cấp ngày 16/11/2010 cho hộ ông Hoàng Văn H và thay thế bằng việc: Hủy bỏ trích lục bản đồ địa chính số 395/TL-CNMR thửa đất số 142, tờ bản đồ số 36, diện tích 324 m², địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị T do Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M cấp ngày 18/3/2020.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn M trình bày:**

1) Về nội dung khiếu kiện đề nghị tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ông H và bà T theo quy định của pháp luật:

Ngày 19/12/2022 UBND sau khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp của công dân (Ông H, ông B, Bà D, bà L), trước khi xem xét tổ chức hòa giải, UBND thị trấn đã giao cán bộ chuyên môn xác minh, làm rõ một số nội dung trong đơn, có văn bản đề nghị nguyên đơn cung cấp các văn bản, chứng cứ liên quan đến quyền sử dụng diện tích đất mà các nguyên đơn cho là của mình hoặc quyền sử dụng các diện tích liền kề theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do không cung cấp được các giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất nên UBND thị trấn không có căn cứ để xem xét tổ chức hoà giải.

Ngày 16/01/2023, 28/2/2023 UBND thị trấn nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai của ông Hoàng Văn H. Ngày 15/3/2023 UBND thị trấn đã tổ chức buổi làm việc nhằm làm rõ thửa đất 218c cho ông Hoàng Văn H. Trước khi tổ chức hòa giải, căn cứ vào hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại UBND thị trấn, cũng như căn cứ vào các văn bản của UBND huyện, quá trình giải quyết tranh chấp giữa ông Hoàng Văn H và ông Phạm Văn L từ năm 2017, UBND thị trấn muốn chỉ rõ ranh giới mô mốc thửa đất cho ông H được rõ.

Tại buổi làm việc hội đồng hòa giải đã chỉ rõ cho người được ủy quyền của Ông H được rõ về nguồn gốc, ranh giới, mô mốc của thửa đất 218c, quá trình giải quyết tranh chấp đất đai của Ông H. Như vậy theo các hồ sơ lưu trữ đã thể hiện rõ thửa đất

218c của Ông H, nếu Ông H cho rằng diện tích thửa đất của ông chưa đảm bảo thì tiếp tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên sau buổi làm việc Ông H, người được ủy quyền của Ông H không có yêu cầu gì mà tiếp tục làm đơn đề nghị hòa giải, khiếu nại ông Cúc không tổ chức hòa giải theo quy định.

Sau đó Ông H làm đơn tố cáo cá nhân ông Cúc lên UBND huyện M, nội dung tố cáo đã được UBND huyện giải quyết và đã kết luận (*có Kết luận số 01 của UBND huyện kèm theo*). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, UBND thị trấn tiếp tục mời Ông H lên làm việc để làm rõ một số vấn đề liên quan đến thửa đất trước khi tổ chức hòa giải nhưng khi lên làm việc Ông H không hợp tác, không thực hiện theo sự hướng dẫn của UBND thị trấn.

Đề nghị Ông H làm rõ nội dung Ông H có ký vào các biên bản mô tả ranh giới, biên bản kiểm tra xác minh hiện trạng, ranh giới thửa đất hay không, nếu Ông H cho rằng Ông H không ký thì Ông H phải có chứng cứ chứng minh. Sau khi làm sáng tỏ nội dung này, khi đó UBND thị trấn mới có cơ sở để tổ chức hòa giải theo quy định của Luật đất đai.

2) Về nội dung khiếu kiện buộc chủ tịch UBND thị trấn phải gỡ bỏ hàng rào, trụ bê tông xít sơn đã cắm trên diện tích đất của Ông H ngày 25/3/2023 khôi phục lại nguyên hiện trạng như trước khi chủ tịch UBND thị trấn chỉ đạo dựng hàng rào trả lại diện tích đất đã được cấp GCN QSD đất cho Ông H:

Hàng rào này là hàng rào được hình thành giữa gia đình ông Lai và gia đình bà T, Chủ tịch UBND thị trấn không tự ý di dời, xít sơn và dựng hàng rào lưới b40 theo như yêu cầu của Ông H mà chỉ khôi phục lại hàng rào đã có từ trước, bởi những lý do sau:

Sau khi Chi cục Thi hành án tiến hành xong việc tháo dỡ thì đến chiều ngày 25/3/2023 bà Nguyễn Thị T đã rào lại thửa đất của mình (theo trích lục đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cấp mang tên bà Nguyễn Thị T) sát với thửa đất mà Tòa án tuyên nhà ông Lai phải trả lại cho Ông H để dọn dẹp thì hộ gia đình Ông H, ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị D đã đến ngăn cản, xảy ra tranh cãi, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn. Mô mốc, ranh giới của thửa đất 209, tờ bản đồ số 36 ngày 09/6/2021 UBND thị trấn đã đóng cọc, xác định theo trích lục 1419/TL-CNMR ngày 14/10/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M đã bị tháo dỡ (đây là vị trí của hàng rào cũ giữa 2 hộ gia đình đã được đoàn làm việc xác định theo văn bản chỉ đạo của huyện và biên bản hòa giải ngày 03/03/2017), chính vì vậy chiều ngày 25/5/2023 sau khi nhận được ý kiến phản ánh của bà T, UBND thị trấn đã họp hội ý, thành lập đoàn gồm Chủ tịch UBND thị trấn, công chức địa chính, tư pháp, văn phòng, công an thị trấn xuống thực địa khôi phục lại ranh giới của thửa đất 209, tờ bản đồ số 36 và thửa đất 142, tờ bản đồ số 36 (ranh giới đất Ông

H và bà T), UBND thị trấn đã có báo cáo gửi các cơ quan cấp trên. Như vậy để tránh xảy ra việc tranh chấp gây mất trật tự trên địa bàn, sau khi nhận được tin báo của bà T, Chủ tịch UBND thị trấn đã chỉ đạo một số công chức chuyên môn xuống thực địa khôi phục mốc ranh giới thửa đất số 209, tờ bản đồ số 36 như theo tinh thần chỉ đạo của UBND huyện trước đó và trên cơ sở trích lục mà bà T được cấp, ranh giới thửa đất Ông H đã ký giáp ranh, UBND thị trấn tạm giao cho bà T sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứ không phải rào lại đất hay khẳng định chủ quyền của cá nhân ai.

Từ những lý do nêu trên, Chủ tịch UBND thị trấn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H, yêu cầu khởi kiện của Ông H là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông H.

Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu Hủy bỏ trích lục không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị trấn M, đây là yêu cầu của Ông H đối với Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức C, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị D, ông Nguyễn Văn B không tranh chấp trong vụ kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M trình bày:** Ngày 12/3/2020 Chi nhánh có tiếp nhận hồ sơ, thủ tục cấp trích lục cho bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 36, diện tích 324 m², địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc cung cấp Trích lục số 395/TL-CNMR thửa đất số 142, tờ bản đồ số 36, diện tích 324 m², địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị T do Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M cấp ngày 18/3/2020 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Ông H yêu cầu Tòa án xem xét hủy Trích lục số 395/TL-CNMR ngày 18/3/2020 của Chi nhánh, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, HĐXX xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định theo Luật tố tụng hành chính.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đề nghị HĐXX: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

1. Buộc chủ tịch UBND thị trấn M phải:

1.1. Tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

1.2. Gỡ bỏ hàng rào, trụ bê tông xít sơn đã cắm trên diện tích đất của Ông H vào ngày 25/3/2023, khôi phục lại hiện trạng như ban đầu để trả lại phần diện tích đất cho Ông H.

1.3. Đối với yêu cầu Hủy bỏ trích lục bản đồ địa chính số 395/TL-CNMR ngày 18/3/2020 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện đã nộp 2.000.000 đồng nên buộc Chủ tịch UBND thị trấn phải trả cho ông Hoàng Văn H.

3. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên buộc chủ tịch UBND thị trấn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Hoàng Văn H khởi kiện về hành vi hành chính của chủ tịch UBND thị trấn M trong lĩnh vực quản lý đất đai. Người bị kiện là chủ tịch UBND thị trấn M có trụ sở tại tổ dân phố 9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là khiếu kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị trấn M trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thời hiệu khởi kiện đối với hành vi hành chính: Do hành vi lấn chiếm đất đai, hủy hoại tài sản của Ông H, nên từ ngày 19/12/2022 đến ngày 05/6/2023 ông

Hoàng Văn H đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu UBND thị trấn M tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ông H và bà T, đơn khiếu nại, tố cáo Chủ tịch UBND thị trấn về hành vi không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ông H và bà T.

Ngày 05/01/2024 Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Kết luận nội dung tố cáo đối với ông Phan Đình C – Chủ tịch UBND thị trấn M số 01/KL-UBND.

Do chủ tịch UBND thị trấn M không thực quyền hạn, nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông H. Do đó Ông H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khiếu kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị trấn M trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vụ án là 01 năm, kể từ ngày Ông H biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Ông H vẫn còn trong thời hạn.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ đối với hành vi hành chính bị khởi kiện của Chủ tịch UBND thị trấn M không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 19/12/2022 Ông H và ông B, Bà D, bà L gửi đơn đề nghị UBND thị trấn M hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ông H, ông B, Bà D, bà L và bà T do hành vi lấn chiếm đất, hủy hoại tài sản của Ông H tại thửa đất số 218C, tờ bản đồ số 29.

Ngày 09/01/2023 Ông H tiếp tục gửi đơn gửi đơn đề nghị Chủ tịch UBND thị trấn M hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ông H và bà T do hành vi lấn chiếm đất, hủy hoại tài sản của Ông H tại thửa đất số 218C, tờ bản đồ số 29.

Ủy ban nhân dân thị trấn M nhận được đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của Ông H vào ngày 16/01/2023 và ngày 28/02/2023 nhưng không tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

Ngày 05/6/2023 Ông H tiếp tục gửi đơn gửi đơn đề nghị UBND thị trấn M hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ông H và bà T do hành vi lấn chiếm đất, hủy hoại tài sản của Ông H tại thửa đất số 218C, tờ bản đồ số 29.

Ủy ban nhân dân thị trấn M tiếp tục nhận được đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của Ông H nhưng không tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 202 của Luật đất đai năm 2013; Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thẩm quyền hòa giải tranh chấp đất đai là của chủ tịch UBND cấp xã. Do vậy, chủ tịch UBND thị trấn M là người có thẩm quyền tổ

chức hòa giải tranh chấp đất đai. Thời hạn hòa giải tranh chấp đất đai là 45 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

Chủ tịch UBND cấp xã chỉ có thẩm quyền hòa giải, không có thẩm quyền giải quyết. Như vậy chủ tịch UBND thị trấn M cho rằng Ông H chưa cung cấp chứng cứ và chưa làm rõ một số nội dung liên quan đến quyền sử dụng đất của Ông H nên không có cơ sở để hòa giải, xét thấy yêu cầu này không phải căn cứ để chủ tịch UBND thị trấn hòa giải hay không hòa giải tranh chấp theo yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai của Ông H. Do đó, hành vi không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND thị trấn M theo yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai của Ông H sau khi nhận được đơn yêu cầu là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông H. Nên cần buộc Chủ tịch UBND thị trấn M tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của đương sự.

[2.3] Tính hợp pháp và căn cứ đối với hành vi hành chính bị khởi kiện của Chủ tịch UBND thị trấn M chỉ đạo dựng hàng rào, trụ bê tông xít sơn đã cắm trên diện tích đất của Ông H vào ngày 25/3/2023:

Theo nội dung Kết luận số 01/KL-UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện M ông Cúc có trình bày:

“... Ông Cúc xuống hiện trường đang thi hành án thấy toàn bộ mô mốc giữa đất Ông H và bà T bị tháo dỡ hoàn toàn (do Chi cục THA cưỡng chế tháo dỡ để bàn giao đất cho Ông H), tôi quan sát thấy hàng rào cũ (hàng rào này được UBND thị trấn khôi phục lại hàng rào cũ trước đây giữa hộ ông Lai, bà Nguyệt và hộ bà T, theo chỉ đạo của UBND huyện tại công văn số 1374/UBND-TTr)... ”

“...Ông Cúc trực tiếp làm trưởng đoàn xuống xác định ranh giới đất bà T, ranh giới này trùng với hàng rào cũ mà UBND thị trấn đã cắm trước đây (trùng với hàng rào mà THA đã tháo dỡ) và UBND thị trấn cấm cọc, tôi trực tiếp xít sơn lên cọc để bảo vệ ranh giới đất cho bà T...”

Kết luận số 01/KL-UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện M cũng thể hiện: *“...Qua kiểm tra hiện trạng, lồng ghép bản đồ địa chính cho thấy: Hàng cọc UBND thị trấn cấm mốc và xít sơn lên trụ bê tông hàng rào xác định ranh giới cho bà T nằm trên một phần diện tích đã được UBND huyện cấp GCN QSD đất cho Ông H tại thửa đất số 218C, tờ bản đồ số 29, diện tích 425 m² theo GCN QSD đất số BA 328742 do UBND huyện cấp ngày 16/11/2010...”*.

Ngoài ra Kết luận số 01/KL-UBND ngày 05/02/2024 của UBND huyện M thể hiện: *“...Buổi sáng ngày 25/5/2023 sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thực hiện xong việc cưỡng chế thi hành án, mặc dù không có yêu cầu của bà T, ông B, Bà D ra sức phản đối nhưng ông Cúc vẫn chỉ đạo cho cán bộ, công chức thị trấn xuống hiện trường xác định, dựng lại hàng rào trụ bê tông (ngay vị trí Chi cục Thi hành án dân*

sự mới nhỏ đi khi cưỡng chế thi hành án)..... Buổi chiều ngày 25/5/2023 theo yêu cầu của bà T, ông Cúc tiếp tục chỉ đạo lực lượng công an thị trấn, công chức chuyên môn tiếp tục bảo vệ cho bà T dựng hàng rào tại vị trí đất đang có tranh chấp.... Vì vậy nội dung tố cáo như trên là tố cáo đúng. Trách nhiệm thuộc về ông Phan Đình Cúc – Chủ tịch UBND thị trấn M...”.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc lòng ghép do Tòa án thực hiện xác định vị trí hàng rào theo yêu cầu khởi kiện của Ông H thì toàn bộ hàng rào lưới B40, trụ bê tông nằm trong thửa 218C, tờ bản đồ 29 đã được UBND huyện M cấp GCN QSD đất cho Ông H.

Theo Quyết định cưỡng chế số 01/QĐ-CCTHADS ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, Chi cục đã tiến hành cưỡng chế di dời 05 cọc bê tông và 18,11m lưới B40, trả lại diện tích 31,6 m² cho ông Hoàng Văn H bà Nguyễn Thị Ththeo bản án số 11/2022/DSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã có hiệu lực pháp luật.

Nhận thấy hành vi tự ý chỉ đạo dựng lại hàng rào trụ bê tông của Chủ tịch UBND thị trấn M trên thửa đất số 218C, tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện M cấp GCN QSD đất cho Ông H khi không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cũng như không được sự cho phép, đồng ý của chủ sử dụng đất đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông H. Do vậy, HĐXX cần buộc Chủ tịch UBND thị trấn M tổ chức tháo dỡ hàng rào lưới B40, trụ bê tông để trả lại hiện trạng cho Ông H, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu Hủy bỏ trích lục bản đồ địa chính số 395/TL-CNMR ngày 18/3/2020 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M:

Theo nội dung đơn khởi kiện, người khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ trích lục bản đồ địa chính số 395/TL-CNMR ngày 18/3/2020 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện M. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ông H yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu này để giải quyết trong cùng vụ án. Tuy nhiên, do đương sự không có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, đồng thời yêu cầu này đã vượt quá so với phạm vi khởi kiện ban đầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Trường hợp người khởi kiện có yêu cầu hay tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng.

[3] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu người khởi kiện được chấp nhận, nên người bị kiện phải chịu chi phí tố tụng. Ông Hoàng Văn H đã nộp 2.000.000 đồng tiền chi phí đo đạc, lập bản đồ và xem xét thẩm định tại chỗ nên UBND thị trấn phải trả lại cho ông Hoàng Văn H số tiền này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên UBND thị trấn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 202 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H:

1.1. Buộc chủ tịch UBND thị trấn M phải tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn khởi kiện giữa ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật;

1.2. Buộc chủ tịch UBND thị trấn M phải tổ chức tháo dỡ hàng rào nằm trong thửa đất số 218C, tờ bản đồ số 29, diện tích 425 m² theo GCN QSD đất số BA 328742 do UBND huyện cấp ngày 16/11/20102 cho ông Hoàng Văn H.

Vị trí hàng rào từ điểm A đến điểm B dài 13m. Từ điểm A (có tọa độ X = 525726.01; Y = 1409595.51) đến điểm B (có tọa độ X = 525737.73; Y = 1409601.13) có sơ đồ kèm theo.

2. Về chi phí đo vẽ, lập bản đồ và xem xét, thẩm định tại chỗ: UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk phải trả lại cho ông Hoàng Văn H số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Hoàng Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0009036 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn M;
- UBND huyện M;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Đức Hợi